

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 5 năm 2025

V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tánh

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Việt và ông Cầm Văn Tô

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn

- Đại diện Viện K sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Mạnh - K sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 137/2025/TLST-HNGĐ ngày 9 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2025/QĐXX-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1993. Nơi ĐKKHKT: Bản B Q, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Lường Văn K, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT: Bản B Q, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin được xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 05 tháng 4 năm 2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày như sau:

Chị và anh Lường Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2011 do hai bên tự do tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai anh chị đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 14/9/2011 và được hai bên gia đình đồng ý, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống không tìm được tiếng nói chung vợ chồng hay xảy ra cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã được hai

bên gia đình hòa giải khuyên bảo nhưng không thành, sau đó anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2025, trong thời gian ly thân anh chị cũng không quan tâm hay hỏi han gì nhau. Nay chị xác nhận tình cảm vợ chồng không còn không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thị Bích Trà, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Lường Văn Tú Cường, sinh ngày 07/03/2014, từ khi anh chị sống ly thân hai cháu Trà và Cường do chị nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cả hai cháu cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Nếu được nuôi dưỡng chị không yêu cầu anh K cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác nhận anh chị không có nợ chung.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lường Văn K bày như sau:

Anh và chị Hoàng Thị T kết hôn do tự nguyện tìm hiểu, có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn vào năm 2011 và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại bản Bó Quỳnh, xã Chiềng Sung. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T đi làm và có tình cảm với người đàn ông khác vì vậy vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, không tin tưởng nhau anh nhiều lần nhắc nhở khuyên bảo nhưng chị T không nghe, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Đến năm 2022 anh cũng đã đi làm công nhân. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh, anh hoàn toàn đồng ý ly hôn. Anh K có ý kiến xin được vắng mặt, hiện nay anh đang đi làm không xin nghỉ để về tham gia làm việc tại Tòa vì vậy anh xin được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như xét xử tại Tòa.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Lường Thị Bích Trà, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Lường Văn Tú Cường, sinh ngày 07/03/2014. Từ khi anh chị sống ly thân hai cháu do chị T nuôi dưỡng. Hiện nay anh đang đi làm không có thời gian để chăm sóc tốt cho các con được vì vậy anh đồng ý giao hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh nhất trí việc chị T không yêu cầu anh cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị Tòa án, xem xét giải quyết .

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị T, anh K. Qua xác minh xác định: Anh chị kết hôn với nhau vào năm 2011 từ khi kết hôn với nhau sinh sống tại gia đình anh K ở bản Bó Quỳnh, xã Chiềng Sung. Gia đình anh K và chính quyền địa phương cũng không nắm được mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Cả hai con chung của anh chị là Lường Thị Bích Trà và Lường Văn Tú Cường hiện đều đang sống cùng với mẹ tại bản Bó Quỳnh, xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn.

Tại văn bản ghi ý kiến của con chung chưa thành niên trên 07 tuổi, cháu Lường Thị Bích Trà và Lường Văn Tú Cường có nguyện vọng được ở cùng mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải nhưng bị đơn không thể tham gia hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Do vậy Tòa án đã ra quyết định xét xử theo thủ tục chung.

Thẩm phán thông qua lời khai của các đương sự tại phiên Tòa.

Đại diện Viện K sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, K sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng: Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn K. Về con chung: Giao cháu Lường Thị Bích Trà, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Lường Văn Tú Cường, sinh ngày 07/03/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Trà, cháu Cường thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Anh K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T do chị T không yêu cầu. Về tài sản chung: Anh chị không đề nghị Tòa án giải quyết. Về nợ chung vợ chồng: Không có. Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả, xem xét các chứng cứ lời khai của các đương sự và lời phát biểu của K sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Hoàng Thị T về việc xin ly hôn với anh Lường Văn K. Anh K có hộ khẩu thường trú tại bản Bó Quỳnh, xã Chiềng Sung, Mai Sơn, Sơn La. Chị T, anh K đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến ly hôn, con chung của vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự để hòa giải nhưng các đương sự vắng mặt, nguyên đơn có đơn đề nghị không yêu cầu hòa giải. Do đó vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ **Điều 227, Điều 238** Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn K.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn K tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 19/11/2011. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2029 thì xảy ra mâu thuẫn.

Chị T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh chị bất đồng quan điểm sống, hay xảy ra cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc. Dẫn đến việc chị không còn tình cảm vợ chồng và vợ chồng không có cơ hội để hàn gắn tình cảm với nhau.

Anh K cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi làm và có tình cảm với người đàn ông khác, vì vậy vợ chồng mâu thuẫn đến năm 2022 anh cũng đi làm. Nay chị T có đơn xin ly hôn với anh anh đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Dù nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng các bên đưa ra khác nhau nhưng cả hai đều xác định đã sống ly thân không quan tâm đến nhau từ năm 2022. Chị T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh K và kiên quyết giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Nay anh chị xác định tình cảm vợ chồng không thể quay về chung sống, chị T và anh K đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng giữa chị T và anh K đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho ly hôn giữa chị T và anh K.

[2.2] Về con chung:

Chị T và anh K đều xác nhận có 02 con chung là cháu Lường Thị Bích Trà, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Lường Văn Tú Cường, sinh ngày 07/03/2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh chị đều thống nhất trường hợp ly hôn, chị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cháu Trà và Cường cho đến khi cháu trưởng thành, Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

[2.3] Về tài sản chung: Chị T và anh K thống nhất xác nhận không đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của anh chị. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có.

[2.5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị T và anh Lường Văn K.
2. Về con chung: Giao cháu Lường Thị Bích Trà, sinh ngày 08/11/2010 và cháu Lường Văn Tú Cường, sinh ngày 07/03/2014 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động). Ghi nhận việc chị T không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh K được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Các đương sự được quyền khởi kiện trong vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Về nợ chung vợ chồng: Không có.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000VND (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án **số 0002445 ngày 09 tháng 4 năm 2025** tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện K sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Chiềng Sung, huyện Mai Sơn ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tênh